TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Moong Công Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Dương

Bà Kha Thị Chôm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Đinh Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1993 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn H. Sinh năm 1994 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:

Tình cảm: Chị Lương Thị N và anh Lương Văn H sau khi hai bên tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc được một thời gian thì chị Lương Thị N và anh Lương Văn H đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, Tỉnh Nghệ An) vào ngày 17/02/2016, số 04/2016, quyển số 01/2016. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị N và anh H chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2024, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, vợ chồng không cùng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, kể từ khi mâu thuẫn xảy ra chị N và anh H sống ly thân nhau, chị N sang ở cùng mẹ đẻ tại bản Na Cáng, xã Y, tỉnh nghệ An còn anh H đi làm ăn xa tại Hà Nội, từ đó cho đến nay chị N và anh H chưa gặp lại nhau nhưng vẫn liên lạc với nhau qua trang mạng xã hội Facebook và liên lạc qua điện thoại. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc

Con chung: Chị Lương Thị N và anh Lương Văn H có 01 con chung tên cháu là Lương Thị Mỹ U, sinh ngày 18/7/2010. Hiện cháu đang sống cùng ông bà nội tại bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Uyên cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Lương Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Lương Văn H nhưng anh Lương Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Qua kết quả xác minh tại địa phương, anh Lương Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An; kết hôn cùng chị Lương Thị N, thường trú tại bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An và một con chung là cháu Lương Thị Mỹ U, sinh ngày 18/7/2010. Anh Lương Văn H hiện đi làm ăn xa ở Hà Nội, thỉnh thoảng có trở về địa phương, còn địa chỉ cụ thể thì chị Lương Thị N, gia đình và chính quyền địa phương không ai biết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án có thông báo cho anh Lương Văn H qua số điện thoại 0987411894, anh H có cung cấp địa chỉ nơi anh H đang tạm trú tại số 9, ngõ 50, Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà Nội cho Tòa án; Tuy nhiên khi đơn vị chuyển phát giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H không nghe điện thoại, không nhận, cũng không ký vào giấy báo phát, anh H có đồng ý để Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh H nhận tại nơi đăng kí thường trú và thông báo lại với anh H; do đó toàn bộ văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử của Tòa án được giao đầy đủ cho bà Lương Thị Xoan (là mẹ đẻ anh H) nhận, đồng thời bà Xoan có trình bày và cam

kết sẽ thông báo và giao lại toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án đã tống đạt cho anh H theo đơn trình bày ngày 28/4/2026. Chị N cũng cam kết sẽ thông báo lại với anh H về việc tống đạt và nội dung của các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh H. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Lương Thị N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh Lương Văn H nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh Lương Văn H nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2026 cháu Lương Thị Mỹ U trình bày: Cháu U có nguyện vọng ở với chị Lương Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay được khai mạc đúng thời gian, địa điểm, phiên tòa được xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục; thủ tục phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lương Thị N đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Văn H mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để giải quyết vụ án. Tuy anh H có cung cấp địa chỉ tạm trú cho Tòa án tống đạt nhưng lại không nhận, không ký vào các biên bản giao nhận văn bản tố tụng, anh H đồng ý với ý kiến của chị N về việc giải quyết các mối quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời anh H đồng ý để Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh H nhận và thông báo lại cho anh H, do đó Tòa án tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà Lương Thị Xoan (mẹ đẻ anh H) là phù hợp với nguyện vọng của anh H và đúng theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lương Thị N cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Lương Thị N được ly hôn với anh Lương Văn H; Con chung giao cháu Lương Thị Mỹ U, sinh ngày 18/7/2010 cho chị Lương Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lương Văn H; tài sản chung, nợ chung chị Lương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí chị Lương Thị N chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Lương Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lương Thị N và bị đơn anh Lương Văn H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng trở về và liên lạc với gia đình, đồng thời anh H có cung cấp địa chỉ hiện đang tạm trú cho Tòa án, tuy nhiên anh H không nhận, không ký vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; do đó có căn cứ khẳng định bị đơn đã được Tòa án, người thân thông báo về nội dung văn bản tố tụng, đã được thông báo về thời gian, địa điểm giải quyết vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt nhiều lần không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Lương Văn H kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, Tỉnh Nghệ An) vào ngày 17/02/2016, số 04/2016, quyển số 01/2016 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn, chị N chưa đủ 18 tuổi và anh H chưa đủ 20 tuổi, chị N và anh H vẫn chung sống với nhau như vợ chồng nhưng sau đó đã có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm này chị N và anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do đó nguyện vọng của chị N và anh H là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị Lương Thị N và anh Lương Văn H thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài

từ năm 2024 đến nay, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị N và anh Lương Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị Lương Thị N và anh Lương Văn H có 01 con chung là cháu Lương Thị Mỹ U, sinh ngày 18/7/2010, hiện cháu đang sống cùng ông bà nội, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Lương Văn H cấp dưỡng nuôi con và đây cũng là mong muốn của anh Lương Văn H. Xét nguyện vọng của chị N và cũng như nguyện vọng của cháu Uyên, anh Lương Văn H hiện đang đi làm ăn xa không đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Uyên, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị N có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC –VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị N.

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị N được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Lương Thị Mỹ U, sinh ngày 07/01/2012 cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Văn H;

Anh Lương Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Để đảm bảo các quyền lợi của con, trường hợp có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị N.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Moong Công Hải